



mǒu dì

某地

noun · some place

Example Sentence

Tā lái zì mǒu dì dàn bù yuàn tòu lù jù tǐ wèi zhì
他来自某地，但不愿透露具体位置。

He comes from some place, but he doesn't
want to reveal the specific location.

Trace each character, then write the word on your own.

某	某	某	某	某	某	某	某	某	某	某
某										
地	地	地	地	地	地	地	地	地		